

Số: **43** /2017/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **15** tháng **12** năm **2017**



QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của UBND thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Tờ trình: số 6435/TTr-STNMT-KS ngày 09 tháng 8 năm 2017, số 10346 ngày 29 tháng 11 năm 2017 và của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 1623/STP-VBPQ ngày 31 tháng 7 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 24/9/2013 của UBND Thành phố như sau:

1. Sửa đổi Khoản 5 và Khoản 6 Điều 3 như sau:

“5. Tổng hợp, lập, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn trên cơ sở đề xuất kế hoạch bảo vệ khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp huyện”



6. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố: Cấp, gia hạn, thu hồi Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; chấp thuận trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản, Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản; chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản, quyền khai thác khoáng sản; điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; xác nhận đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình; phê duyệt trữ lượng trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; phê duyệt đề án đóng cửa mỏ; quyết định đóng cửa mỏ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.”

2. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản theo quy định tại Điều 56 và Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014; Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền trách nhiệm thẩm định của Sở Xây dựng quy định tại Điều 5 Quy định này”

3. Sửa đổi Khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Thực hiện thẩm định thiết kế cơ sở các dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ khoáng sản vật liệu xây dựng theo quy định tại Điều 56 và Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014; Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và các quy định của pháp luật có liên quan; Hướng dẫn các hoạt động thẩm định, đánh giá về công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nguyên liệu sản xuất xi măng”

4. Sửa đổi Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 như sau:

“1. Tiếp nhận, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các dự án khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 32 Luật Đầu tư;

2. Thực hiện giám sát, đánh giá các nội dung dự án khai thác khoáng sản quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư.”

5. Sửa đổi Khoản 5 Điều 12 như sau:

“5. Trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác:

a) Đề xuất kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án bảo vệ khai thác khoáng sản;

b) Chủ trì phổ biến và triển khai Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

d) Tiến hành giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khai thác khoáng sản trái phép ngay sau khi phát hiện hoặc được báo tin xảy ra trên địa bàn. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để chỉ đạo xử lý trong trường hợp không ngăn chặn được hoạt động khai thác khoáng sản trái phép;

e) Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm gửi Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo về tình hình bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương;

g) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khi để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không xử lý hoặc để diễn ra kéo dài.”

6. Sửa đổi Khoản 5 Điều 13 như sau:

“5. Phát hiện và thực hiện các giải pháp ngăn chặn hoạt động khai thác khoáng sản trái phép ngay sau khi phát hiện; trường hợp vượt thẩm quyền kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để chỉ đạo công tác giải tỏa; định kỳ 6 tháng báo cáo tình hình bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.”

7. Bổ sung Điểm k) Khoản 2 Điều 20 như sau:

k) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, trừ hộ kinh doanh phải lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác; lắp đặt camera giám sát tại các kho chứa để lưu trữ thông tin, số liệu liên quan. Định kỳ hàng tháng, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thống kê, tính toán, cập nhật số liệu trong sổ sách, tài liệu quy định tại Điều 41 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ để khai báo sản lượng tính thuế tài nguyên khoáng sản và xác định sản lượng khai thác hàng năm trong báo cáo định kỳ khai thác khoáng sản để gửi cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Quy trình, phương pháp xác định và các mẫu biểu thống kê sản lượng khoáng sản khai thác thực tế thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sổ sách, chứng từ, tài liệu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế phải được lưu giữ 01 bộ tại khu vực khai thác và 01 bộ (bản sao) tại trụ sở của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

Điều 2. Bãi bỏ Khoản 2 Điều 9 Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2017. Các nội dung khác tại Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND

ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố giữ nguyên hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: W

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TNMT, XD, TC, CT, TP;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Công giao tiếp điện tử Hà Nội;
- VPUBTP: CVP, các PCVP, TKBT, TH, KGVX, NC, KT, ĐT;
- Trung tâm Tin học - Công báo Thành phố;



Nguyễn Đức Chung

